

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3286/QĐ-UBND

Chợ Mới, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500
Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 11/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ xác thực Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Căn cứ Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 56/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định về cao độ thiết kế các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Khu đô thị mới thị trấn Chợ mới 1 do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam làm chủ đầu tư;

Căn cứ công văn số 4667/SXD-QH ngày 31/12/2020 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc ý kiến thỏa thuận tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1 & Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 2 huyện Chợ Mới;

Căn cứ bản vẽ Phương án tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do Công ty TNHH kiến trúc xây dựng NORTHSOUTHERN lập;

Căn cứ Tờ trình số 607/TTr-2020/TNR ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản TNR HOLDINGS Việt Nam về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Tờ trình số 601/TTr-KTHT ngày 31/12/2020 của Phòng Kinh tế - Hạ tầng về việc thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 1, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Phạm vi ranh giới:

Vị trí khu đất quy hoạch có tư cận như sau:

- Phía Đông giáp đất dân cư;

- Phía Tây giáp Khu đô thị mới thị trấn Chợ Mới 2;
- Phía Nam giáp đất dân cư tỉnh lộ 942 (đường dẫn cầu Ông Chưởng);
- Phía Bắc giáp đất ruộng, trung tâm y tế huyện Chợ Mới

3. Tính chất:

- Góp phần chỉnh trang, cải thiện chỗ ở cho người dân trong khu vực xã thị trấn Chợ Mới ngày một tốt hơn.
- Làm cơ sở đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn xã thị trấn Chợ Mới.
- Làm cơ sở giao đất, cấp giấy phép đầu tư và cấp giấy phép xây dựng.

4. Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất **48.055,0 m²**.

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	16.684,1	34,72
1.1.	Đất ở liên kế thương mại	6.598,0	13,73
1.2	Đất ở liên kế	8.898,1	18,52
1.3	Đất ở biệt thự	1.188,0	2,47
2	Đất thương mại dịch vụ	3.642,5	7,58
3	Đất cây xanh	7.202,0	14,99
4	Đất giao thông	19.116,3	39,78
5	Đất xử lý nước thải	1.410,1	2,93
5.1	Cây xanh cách ly	766,7	1,60
5.2	Trạm xử lý nước thải	643,4	1,34
	Tổng cộng	48.055,0	100.00

5. Quy mô dân số:

- Khoảng 750 người.

6. Nội dung quy hoạch:

6.1. Phân khu chức năng:

6.1.1. Phân lô (đất ở): Quy mô 16.684,1m², chiếm tỷ lệ 34.72%.

- Đất ở liên kế thương mại (Ký hiệu LTKM): là loại hình nhà ở kết hợp thương mại bố trí dọc các đường trục chính của khu đô thị là đường D3, đường N3. Diện tích 6,598.0m², chiếm tỷ lệ 13,73%. Mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao tối đa 5 tầng.

- Đất ở liên kế (Ký hiệu LK): là loại hình nhà ở thuần túy được bố trí dọc trên đường D4, D5, D6, D7, N1, N4 của khu đô thị. Diện tích đất là 8,898.1m², chiếm tỷ lệ 18,52%. Mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao tối đa 5 tầng.

- Đất ở biệt thự (Ký hiệu BT): bố trí cuối đường N5 của khu đô thị. Diện tích đất là 1,188.0m², chiếm tỷ lệ 2,47%. Mật độ xây dựng tối đa 63%, tầng cao tối đa 3 tầng.

6.1.2. Khu thương mại dịch vụ:

Đất công trình thương mại dịch vụ: Quy mô 3.642,5m², chiếm tỷ lệ 7,58% diện tích toàn khu, được quy hoạch với quy mô đảm bảo đáp ứng nhu cầu sống của người dân trong khu vực. Mật độ xây dựng tối đa 40%.

6.1.3. Khu cây xanh:

Đất cây xanh, vườn hoa: Quy mô 7.202,0m² chiếm tỷ lệ 14,99% diện tích toàn khu, bao gồm công viên tập trung bố trí tại trung tâm khu đô thị và cụm công viên trong nhóm ở.

6.1.4. Đất giao thông:

Đường giao thông và hè với diện tích 19.116,3m², chiếm tỷ lệ 39,78% diện tích toàn khu.

6.1.5. Đất xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải: Quy mô 643,4m² chiếm tỷ lệ 1,34% diện tích toàn khu.

- Cây xanh cách ly: Quy mô 766,7m², chiếm tỷ lệ 1,60% diện tích toàn khu.

6.2. Quy hoạch không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Tạo ra sự hài hoà giữa không gian khu vực thiết kế và không gian xung quanh, đồng thời tạo môi trường sống đầy đủ tiện ích và tiện nghi cho dân cư khu đô thị.

- Khai thác hiệu quả về vị trí cũng như cảnh quan khu vực cho tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu đô thị, chú trọng các không gian mở của hệ thống cây xanh mặt nước và khu vực các điểm nhấn kiến trúc.

a) Các tuyến, trục cảnh quan và điểm nhấn không gian chính:

- Tuyến D3: Là trục giao thông theo hướng Bắc Nam, kết nối từ đường tỉnh lộ 942. Tuyến đường này còn có chức năng là trục cảnh quan của khu đô thị với dãy phố liên kế thương mại nhộn nhịp, năng động được bố trí dọc trục.

- Tuyến N3: là trục giao thông theo hướng Đông Tây, kết nối dự án với khu đô thị Chợ Mới 2 cũng như các khu vực khác của Thị trấn Chợ Mới. Không gian trên trục đường cũng được tổ chức ở liên kế thương mại 5 tầng, tạo bộ mặt đô thị.

b) Không gian trọng tâm:

Không gian trọng tâm dự án là công trình thương mại dịch vụ cuối đường D3, xung quanh là các dãy nhà liên kế, liên kế thương mại được thiết kế hiện đại, sang trọng tạo thành một không gian điểm nhấn quan trọng cho khu đô thị.

6.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

6.3.1. Giao thông:

a) Giải pháp quy hoạch:

- Hệ thống giao thông đối ngoại: Cấu trúc mạng lưới giao thông đối ngoại được tổ chức thuận tiện cho việc kết nối giữa hệ thống giao thông đối nội với bên ngoài thông qua các trục giao thông chính của dự án như sau:

- Phía Bắc dự án giáp với đường TL 942. Đây là trục giao thông chính của khu dân cư theo trục Bắc Nam, đối với dự án đây là trục giao thông đối ngoại chính kết nối dự án với các bên ngoài thông qua các nút giao giữa đường D3. Đối với đường TL942 có lộ giới theo quy hoạch chung được duyệt là 29 m (4-3-7-1-7-3-4); Bề rộng lòng đường 14,0m; dải phân cách 1m; vỉa hè 3m; khoảng lùi xây dựng 4m. Đoạn đi qua dự án có tổng chiều dài 380m.

- Hệ thống mạng lưới đường nội bộ được tổ chức theo dạng mạng cấu trúc lưới đường ô cờ, đây là dạng cấu trúc mạng lưới hoàn chỉnh và linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu lưu thông và tiếp cận các công trình trong khu vực và đấu nối với hệ thống giao thông đối ngoại xung quanh rất thuận tiện. Ngoài ra với ý đồ tổ chức cấu trúc theo dạng này tạo điều kiện rất thuận lợi cho giải pháp bố cục phân lô các công trình trong dự án, có lộ giới từ 14,0m đến 20,0m, được tổ chức chủ yếu hai làn xe lưu thông ngược chiều nhau trong đó bề rộng mặt đường từ 7,0m đến 10,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m - 5,0m nhằm thỏa mãn các chức năng sau: đủ chỗ để bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở phía dưới mặt đất, còn ở phía trên đủ không gian để tổ chức một dãy cây xanh và làn đường dành cho người đi bộ.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO THÔNG

STT	Tên đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)			
			Chiều rộng	Vỉa hè trái	Mặt đường	Vỉa hè phải
1	Đường N1	3-3	14,0	3,5	7,0	3,5
2	Đường N3	2-2	17,0	5,0	7,0	5,0
3	Đường N4	2-2	17,0	5,0	7,0	5,0
4	Đường N5	2-2	17,0	5,0	7,0	5,0

5	Đường D3	1-1	20,0	5,0	10,0	5,0
6	Đường D4	3-3	14,0	3,5	7,0	3,5
7	Đường D5	3-3	14,0	3,5	7,0	3,5
8	Đường D6	3-3	14,0	3,5	7,0	3,5
9	Đường D7	2-2	17,0	5,0	7,0	5,0

b) Các yêu cầu kỹ thuật an toàn giao thông:

- Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R = 8-12m$.
- Góc vát tối thiểu cho các tuyến đường trong khu quy hoạch là 5m (đạt được khoảng tầm nhìn $\geq 20m$).
- Độ dốc mặt đường là 2%, mặt đường thảm nhựa.
- Vĩa hè trồng cây xanh; có độ dốc 1,5%.

8.2. San lấp mặt bằng:

Diện tích san lấp 48.055,6 m²; cao trình san lấp +3,88m.

8.3. Cấp nước:

a) Tiêu chuẩn cấp nước:

- Nước sinh hoạt cho người dân đô thị, nước dùng trong các công trình công cộng, nước tưới cây xanh, rửa đường, nước thất thoát rò rỉ, dự phòng, nước dùng để chữa cháy.
- Nước cấp cho sinh hoạt: 100 l/người/ngđ.
- Nước cấp cho các dịch vụ, công trình công cộng: 2 lít/m² sàn.
- Nước tưới cây : 3 lít/m².
- Nước rửa đường : 0,5 lít/m².
- Nước rò rỉ và dự phòng: Lấy 10% lưu lượng nước cấp hữu ích (nước sinh hoạt + nước dịch vụ đô thị).
- Hệ số dùng nước không điều hòa ngày: $K_{ngày} = 1,2$.
- Dân số: 750 người.
- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy là 10lít/s, với số đám cháy xảy ra đồng thời là 01 đám cháy liên tục trong 03 giờ.
- Tổng nhu cầu sử dụng nước: 186.67m³/ngđ.

b) Giải pháp cấp nước:

- Xây dựng đường ống cấp nước D110 đầu nối từ đường ống cấp nước của khu đô thị thị trấn Chợ Mới 2.

- Ống cấp nước có đường kính sử dụng Ống cấp nước sử dụng ống HDPE áp lực PN 10, ống đi trên vỉa hè với độ sâu tối thiểu 0,5 so với cao độ hoàn thiện.

- Trên các tuyến ống cấp nước bố trí các trụ cứu hỏa, với khoảng cách 120m (theo TCVN 2622 -1995).

8.4. Cấp điện:

a) Chỉ tiêu cấp điện và nhu cầu sử dụng điện:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 3-5kW/hộ.

- Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng được tính theo công suất điện trên m² sàn (30W/m² sàn) hoặc theo quy mô số người (kW/người), tùy loại công trình.

- Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng đường phố, công viên cây xanh : 10kW/ha.

b) Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện lấy từ các tuyến trung thế hiện hữu trên đường Nguyễn Hữu Cảnh.

- Tổng công suất điện là: 880kVA.

c) Lưới điện:

c.1) Tuyến trung thế 22kV:

- Xây dựng mới nhánh rẽ trung thế vào khu vực quy hoạch.

- Các phát tuyến trung thế sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC - 24kV, luôn trong ống xoắn HDPE chịu lực, chôn trong đất, đảm bảo khoảng cách an toàn về điện được theo quy định.

- Các trạm hạ thế 22/0,4kV là loại trạm tập trung đặt trong nhà, hoặc sử dụng trạm compact. Các trạm được bố trí tại các trung tâm phụ tải điện, bán kính cấp điện của mỗi trạm không quá 400 mét.

c.2) Tuyến hạ thế 0,4kV:

Các tuyến 0,4kV xây dựng mới dùng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC - 1kV, luôn trong ống xoắn HDPE chịu lực, chôn trong đất. Đi kèm với tuyến hạ thế ngầm có đặt các tủ phân phối điện để đấu nối cấp điện từ lưới điện ngoài nhà vào các hộ tiêu thụ điện.

c.3) Lưới điện chiếu sáng:

Chiếu sáng đường phố bằng đèn đèn LED, công suất từ 70W & 140W, tuyến cấp điện chiếu sáng xây dựng mới dùng cáp ngầm XLPE 1kV, luôn trong ống xoắn HDPE chôn trong đất. Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng giao thông được lấy từ một lộ ra của trạm hạ thế khu vực. Tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng được đặt tại trạm hạ thế.

8.5. Thông tin liên lạc:

- Mạng lưới quy hoạch: từ tuyến cáp nguồn chính triển khai các tuyến cáp chính theo mạng hình bus với hình thức phối cáp 1 cấp. Toàn bộ các tuyến cáp đều được ngầm hóa để đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ đô thị.

- Tuyến cáp chính: sử dụng cáp quang loại singlemode dung lượng 48 sợi, được đặt trong ống HDPE chôn ngầm dưới mặt đất để đảm bảo mỹ quan đô thị. Bố trí các tủ phối quang trên tuyến cáp chính đảm bảo bán kính phục vụ mỗi tủ 300m, dung lượng từ 200-600 đôi.

- Tuyến cáp phối: sử dụng cáp quang singlemode và được thực hiện ngầm hóa tới vị trí hộp phối quang.

- Tuyến cáp thuê bao: sử dụng cáp quang singlemode dẫn tới từng hộ thuê bao.

- Sử dụng tủ phối quang loại 24 core lắp đặt ngoài trời. Tổng số tủ: 01 cái.

- Tổng số hộp phối quang: 29 cái.

8.6. Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo hình thức thoát nước riêng hoàn toàn: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước sinh hoạt.

a) Giải pháp thoát nước mưa:

- Nước mưa từ các công trình và mặt đường được thu vào hệ thống cống thoát nước mưa đô thị rồi xả thẳng ra các kênh rạch, sông ngòi xung quanh khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt vận hành độc lập hoàn toàn. Khu vực thiết kế được chia thành nhiều lưu vực nhỏ với tuyến ngắn để thoát nước nhanh, tiết diện nhỏ, giảm độ sâu chôn cống.

- Hình thức thoát nước mưa là nước mưa được vận chuyển trong hệ thống cống kín, bố trí dọc theo trục đường giao thông nằm dưới vỉa hè, sử dụng cống bê tông cốt thép đúc sẵn.

- Trên từng tuyến cống có đặt những hố ga dùng để thu nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách các hố ga 20m ÷ 40m.

b) Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: 82.41 m³/ngđ.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào cống thu nước bản ngoài đường.

- Nước thải xả ra môi trường tự nhiên đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải.

- Hệ thống cống được thiết kế tự chảy dọc theo các khu nhà ở và các công trình để thu nước thải bản và đổ vào tuyến cống thu nước bản chính của khu vực xây dựng đi

trên trục đường số sau đó được đưa về Trạm xử lý nước thải công suất 162.93 m³/ngàyđêm ở công viên phía Đông khu quy hoạch xây mới nằm bên KDC Chợ Mới 1.

- Công thoát nước thải là công HDPE. Độ sâu chôn công điểm đầu tuyến tính từ đỉnh công tối thiểu là 0,5m.

- Trên các tuyến công bố trí các hố ga thu gom kết hợp làm hố thăm vật liệu bê tông cốt thép, mặt trong quét vật liệu trổng xam thực, hố ga được bố trí với khoảng cách ≤30m, tại các điểm đầu tuyến, vị trí chuyên hướng.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và đưa dự án vào sử dụng cơ bản như sau:

- Tổ chức thi công hợp lý, phải có biện pháp kỹ thuật, quản lý tránh ách tắc giao thông, rò rỉ xăng dầu, trong quá trình thi công xây dựng.

- Giảm thiểu tác động có hại tới môi trường không khí, giảm thiểu tác động có hại của rác thải.

- Công trình xây dựng trong khu quy hoạch phải xây dựng trạm xử lý nước thải và hầm phân tự hoại đạt tiêu chuẩn theo quy định để xử lý nước thải cục bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

- Rác thải: Thu gom hằng ngày đưa về bãi rác xử lý theo quy định.

- Mỗi nhà ở phải làm nhà xí hợp vệ sinh (có hầm vệ sinh tự hoại).

10. Một số nội dung cần lưu ý:

- Trước khi triển khai thực hiện dự án chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Lập Quy chế quản lý theo Phương án tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện dự án.

11. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Chợ Mới.

- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới.

- Cơ quan thỏa thuận: Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản TNR HOLDINGS Việt Nam.

- Đơn vị tư vấn lập phương án tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500: Công ty TNHH kiến trúc xây dựng NORTHSOUTHERN.

Điều 2. Giao cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản TNR HOLDINGS Việt Nam phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND thị trấn Chợ Mới và các ngành liên quan căn cứ vào Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới

thị trấn Chợ Mới 2, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tiến hành thực hiện các bước tiếp theo.

- Bàn giao 01 bộ hồ sơ cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng và UBND thị trấn Chợ Mới để cùng tham gia quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai theo qui định hiện hành.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 3178/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Chợ Mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện, Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Mới, Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bất động sản TNR HOLDINGS Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- LĐ UBND;
- LĐVP;
- P.TN-MT;
- UBND TTCM;
- Lưu: VT, P. KT-HT.



K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Viên